

**CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO MST EDUCATION**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO MST EDUCATION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110742533

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10, ngách 158/4, ngõ 158 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                            | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                         | 1812     |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                        | 1820     |
| 4.  | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                               | 5820     |
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản ( Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)                                                            | 6810     |
| 6.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới Bất động sản (Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)                                                                             | 6820     |
| 7.  | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                            | 8211     |
| 8.  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                         | 8219     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương Mại 2005) (Không bao gồm hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm) | 8299     |
| 10. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                   | 4631     |
| 11. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                               | 4632     |
| 12. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                 | 4633     |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                             | 4641     |

|     |                                                                                                                   |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Loại trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                               | 4649        |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                               | 4651        |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                | 4652        |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                            | 4653        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                     | 4659        |
| 19. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                          | 4761        |
| 20. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                        | 4762        |
| 21. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                        | 4763        |
| 22. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4771        |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn kế toán, pháp lý)                                                         | 7020        |
| 24. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                         | 8230        |
| 25. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                  | 8511        |
| 26. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                 | 8512        |
| 27. | Giáo dục tiểu học                                                                                                 | 8521        |
| 28. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                          | 8522        |
| 29. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                      | 8523        |
| 30. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                    | 8531        |
| 31. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                     | 8551        |
| 32. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                       | 8552        |
| 33. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể, Dạy bay) | 8559        |
| 34. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                           | 8560(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HOÀI NAM    | Việt Nam  | Số 7, ngách 229/5, ngõ 229 Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.500.000.000         | 50,000    | 001089019647                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO | Việt Nam  | Số 7, ngách 229/5, ngõ 229 Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.500.000.000         | 50,000    | 036195004384                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/07/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036195004384

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 7, ngách 229/5, ngõ 229 Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7, ngách 229/5, ngõ 229 Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội